

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/DS-PT
Ngày: 16-02-2023
V/v tranh chấp: "Thừa kế quyền sử
dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 2 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Thừa kế quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 388/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Bạch V, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố C, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956 (theo Giấy ủy quyền ngày 26/3/2019) (có mặt);

Địa chỉ: Tổ H, Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Kim Hồng V1, sinh năm 1968 (có mặt);
3. Bà Nguyễn Kim Thu T2, sinh năm 1970 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
4. Bà Nguyễn Kim Thu H1, sinh năm 1972 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp Mỹ An, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
5. Anh Lê Minh H2, sinh năm 2000 (xin vắng mặt);
6. Ông Lê Hữu P1, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);
7. Bà Võ Ngọc D, sinh năm 1980 (có mặt);
8. Anh Nguyễn Bá N1, sinh năm 1999 (có mặt);
9. Anh Nguyễn Minh T3, sinh năm 1984 (có mặt);
10. Chị Lê Kim N2, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);
11. Anh Nguyễn Minh N3, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);
12. Nguyễn Bá N4, sinh năm 2005;

Người đại diện giám hộ của Nguyễn Bá N4: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 8, Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

13. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: Khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng S – Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Bá T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bạch V trình bày:*

Cha ông là cụ Nguyễn Quang S1, sinh năm 1930, mất năm 2016. Mẹ ông là cụ Lê Kim C, sinh năm 1933. Trong quá trình chung sống, hai cụ sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1964; ông Nguyễn Văn Bạch V, sinh năm 1965; bà Nguyễn Kim Hồng V1, sinh năm 1968; bà Nguyễn Kim Thu T2, sinh năm 1970; bà Nguyễn Kim Thu H1, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1974. Cha mẹ cụ S1, cụ C chết trước hai cụ. Khi còn sống, hai cụ không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

Lúc sinh thời cụ S1, cụ C có tạo lập được khối tài sản khoảng 22.000m² đất. Sau khi phân chia cho các con, hai cụ còn 01 phần đất chưa chia là thửa đất

số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04305, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/10/2014, do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng. Trên phần đất còn có 01 căn nhà hiện ông Nguyễn Bá T và bà Lê Kim C đang quản lý sử dụng.

Năm 2016, cụ S1 chết không để lại di chúc. Trước khi chết cụ S1 có hứa cho ông V 3.000m² đất nằm trong thửa đất trên. Phần diện tích còn lại chia cho Nguyễn Bá T. Hiện tại mẹ ông là cụ Lê Kim C không còn minh mẫn, ông T là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất trên nên ông V khởi kiện yêu cầu ông T làm thủ tục tách thửa sang tên cho ông 3.000m² đất thuộc thửa đất số 317 để ông V được quyền đứng tên quản lý sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ngày 20/8/2019, cụ Lê Kim C chết nên ông Nguyễn Văn Bạch V xin rút lại yêu cầu được chia diện tích đất 3.000m², chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang ra làm 06 kỷ phần, ông V yêu cầu được nhận 01 kỷ phần diện tích và vị trí phần đất của mỗi kỷ phần được chia căn cứ theo biên bản đo đạc thực tế ngày 10/01/2020 của Công ty TNHH Đo đạc Đ là 1.131m². Đối với căn nhà trên đất không yêu cầu chia mà đồng ý giao cho ông T quản lý để dùng vào việc thờ cúng.

** Bị đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:*

Về quan hệ gia đình, nhân thân, cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp đúng như nguyên đơn trình bày. Theo ông T, ông là con út trong gia đình, ở chung cụ S1 và cụ C từ nhỏ đến nay. Lúc cụ C, cụ S1 còn sống, ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi hai cụ chết, ông là người trực tiếp thờ cúng. Các anh chị em chung hàng thừa kế của ông sau khi lập gia đình ra riêng đã được chia đất và cho vàng. Bản thân ông T ở cùng cha mẹ từ nhỏ, chưa được chia nên thửa đất số 317 đương nhiên là của ông. Ngoài ra, vào ngày 28/11/2015, lúc còn minh mẫn, cụ S1 và cụ C đã làm tờ cho tài sản cho con với nội dung giao lại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và các tài sản khác cho ông T được quản lý sử dụng nên ông không đồng ý chia thửa đất trên theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với căn nhà trên đất, trong quá trình sử dụng, ông T đã nhiều lần sửa chữa mở rộng. Không còn nguyên hiện trạng ban đầu lúc cụ S1, cụ C để lại. Do các đồng thừa kế không có tranh chấp nên ông T không yêu cầu xem xét giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Kim Thu T2 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông V, ông T về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp. Bà T2 xác định thửa đất số 317 là di sản của cha mẹ để lại chưa chia nên bà yêu cầu chia thừa kế thửa đất trên làm 06 kỷ phần. Bà T2 yêu cầu nhận 01 kỷ phần, diện

tích đất và vị trí của kỷ phần được chia căn cứ theo biên bản đo đạc thực tế ngày 10/01/2020 của Công ty TNHH Đo đạc Đ là 1.131m².

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Kim Thu H1 thống nhất trình bày:*

Ông P, bà H1 thống nhất với lời trình bày của ông V, ông T, bà T2 về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp. Ông P, bà H1 xác định thửa đất số 317 là di sản của cha mẹ để lại. Bản thân ông, bà đã được chia tài sản rồi nên không có yêu cầu chia và cũng không đồng ý chia theo yêu cầu của ông V, bà T2, bà V1. Trường hợp có phân chia thì ông bà đồng ý giao lại phần tài sản được chia cho ông T quản lý sử dụng dùng vào việc thờ cúng cha mẹ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim Hồng V1, ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh P trình bày:*

Thống nhất với ý kiến bị đơn. Không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông V, bà T2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Ngọc D trình bày:*

Bà D thống nhất với lời trình bày của ông T, ông P, bà H1, không bổ sung gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá N1 trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T3, anh Nguyễn Minh N3 thống nhất trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của ông V, bà T2, yêu cầu công nhận thửa đất số 317 là di sản của cụ S1 và cụ C để lại chưa chia và yêu cầu chia thừa kế thừa đất trên theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh H2, chị Lê Kim N2, ông Lê Hữu P1 thống nhất trình bày:*

Anh H2, chị N2, ông P1 thống nhất với lời trình bày của ông V, bà T2 yêu cầu công nhận thửa đất số 317 là di sản của cụ S1 và cụ C để lại chưa chia và yêu cầu chia thừa kế thừa đất trên theo pháp luật.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bạch V (có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà T2 có thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Cụ thể, ông V, ông N, bà T2 yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 317 theo quy định pháp luật làm 07 kỷ phần bằng nhau, trong đó 06 kỷ phần chia cho 06 người con, 01 kỷ phần giao cho ông T quản lý sử dụng xem như công sức gìn giữ, quản lý di sản và có công trong việc nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ. Ông V, bà T2 mỗi người yêu cầu được nhận 01 kỷ phần, yêu cầu nhận đất có diện tích khoảng 969,8m². Về cây trồng trên

đất, đồng ý bồi thường mật độ cây trồng theo biên bản định giá ngày 10/01/2020 nằm trong diện tích 1.131m², không yêu cầu đếm lại số cây chênh lệch nằm trong diện tích yêu cầu được chia tại phiên tòa. Vị trí đất yêu cầu được chia không thay đổi.

- Bị đơn ông Nguyễn Bá T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trường hợp chia, ông T không đồng ý chia theo vị trí ông V, bà T2 yêu cầu mà yêu cầu chia ở vị trí khác và yêu cầu buộc những người được chia phải hoàn trả cho ông T giá trị cây trồng căn cứ theo mật độ cây tại biên bản định giá ngày 10/01/2020.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 468, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 97, 98, 99, 100 và khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bạch V.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Kim Thu T2.

3. Xác định thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² theo diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Nguyễn Quang S1 và cụ Lê Kim C để lại chưa chia.

4. Buộc ông Nguyễn Bá T chia cho ông Nguyễn Văn Bạch V và bà Nguyễn Kim Thu T2 mỗi người 969,9m² đất, chia cho bà Nguyễn Kim Thu T2 970m² đất; thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² theo diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng. Có sơ đồ bản vẽ kèm theo. Cụ thể diện tích và tứ cận như sau:

4.1. Phần đất chia cho ông Nguyễn Văn Bạch V có diện tích 969,9m² thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² theo diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng có tứ cận theo bản vẽ ngày 18/7/2022 của Công ty TNHH Đo đạc Đ như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Kim Thu T2 được chia dài 59,39m. Gồm 4 đoạn (29,21m + 28,19m + 0,96m + 1,03m).

+ Hướng Nam giáp đất ông Phan Tấn V2 dài 62,02m. Gồm 05 đoạn (29,71m + 2,29m + 27,72m + 1,21m + 1,09m).

+ Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Hữu P2 dài 15,95m.

+ Hướng Tây giáp kênh công cộng dài 15,98m. Gồm 02 đoạn (9,84m + 6,14m).

Buộc ông Nguyễn Văn Bạch V bồi thường cho ông Nguyễn Bá T 172.023.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu không trăm hai mươi ba ngàn đồng). Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4.2. Phần đất chia cho bà Nguyễn Kim Thu T2 có diện tích 970m² thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² theo diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng có tứ cận theo bản vẽ ngày 18/7/2022 của Công ty TNHH Đo đạc Đ như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 317 dài 58,86m. Gồm 4 đoạn (28,66m + 27,65m + 1,08m + 1,47m).

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Bạch V được chia dài 59,39m. Gồm 4 đoạn (29,21m + 28,19m + 0,96m + 1,03m).

+ Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Hữu P2 dài 16,4m.

+ Hướng Tây giáp kênh công cộng dài 16,51m.

Buộc bà Nguyễn Kim Thu T2 bồi thường cho ông Nguyễn Bá T 229.698.600 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm đồng). Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4.3. Giao cho ông Nguyễn Bá T tiếp tục quản lý sử dụng phần đất, cây trồng, vật kiến trúc trên diện tích đất còn lại là 4.849,2m² có tứ cận theo bản vẽ ngày 18/7/2022 của Công ty TNHH Đo đạc Đ như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của ông Phan Tùng Chinh dài 72,56m.

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Kim Thu T2 được chia dài 58,86m. Gồm 4 đoạn (28,66m + 27,65m + 1,08m + 1,47m).

+ Hướng Đông giáp phần đất của ông Trần Hữu P2 gồm 2 đoạn 20,53m, 15,65m và đất bà Nguyễn Thị Bé H3 dài 39,31m.

+ Hướng Tây giáp phần kênh công cộng dài 72,21m. Gồm 4 đoạn (7,85m + 2,02m + 26,91m + 35,43m).

Thực hiện việc chia đất sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn Bạch V, bà Nguyễn Kim Thu T2 được quyền liên hệ với cơ quan chức năng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Trường hợp đất có biến động thì cơ quan cấp giấy có quyền điều chỉnh lý theo biến động đối với phần đất đã được chia để lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được chia đất.

Ông Nguyễn Bá T và các thành viên trong hộ ông T không được chặt phá, làm hư hỏng cây trồng đối phần cây trồng chia cho ông V, bà T2. Nếu làm thiệt hại số lượng cây trồng đã giao theo bản án thì người được chia đất chỉ bồi thường phần cây trồng được nhận còn lại theo bản án đã tuyên.

Giữ nguyên hiện trạng lối đi bằng đường đất để dùng làm lối đi chung. Lối đi này đi ngang phần đất giao cho ông T quản lý sử dụng là 12,5m²; đi ngang phần đất ông V được chia là 16,2m²; đi ngang phần đất bà T2 được chia là 16,8m². (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 01/8/2022, bị đơn ông Nguyễn Bá T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập; bị đơn kháng cáo yêu cầu tính chi phí mai táng cho hai cụ S1 và cụ C mà ông đã bỏ ra và chia cho ông công sức chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Bá T phát biểu và đề nghị: Việc cụ S1 và cụ C lập tờ cho đất cho ông T không đúng quy định nên án sơ thẩm giải quyết chia thừa kế bị đơn không có ý kiến gì. Tuy nhiên, án sơ thẩm xác định công sức quản lý gìn giữ di sản và công sức chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ bằng một kỷ phần là chưa chính xác, vì không thể xác định đánh đồng bằng nhau chung một kỷ phần, quản lý gìn giữ và chăm sóc là hai cái riêng biệt. Ngoài ra án sơ thẩm chưa tính chi phí mai táng của cụ S1 và cụ C khi chia di sản thừa kế của hai cụ là chưa chính xác, chi phí mai táng của hai cụ có xác nhận là số tiền 240.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T chia cho ông T công chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ bằng một kỷ phần thừa kế và chi phí mai táng phí cho hai cụ S1, cụ C.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau chi phí mai táng nên đề nghị ghi nhận; án sơ thẩm đã giải quyết tính chi phí nuôi dưỡng, quản lý di sản là một kỷ phần thừa kế là đã có căn cứ. Đối với yêu cầu công chăm sóc nuôi dưỡng của ông T tại phiên tòa là không có cứ chấp nhận. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự về chi phí mai táng.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim Thu H1, chị Lê Kim N2, anh Nguyễn Minh N3, Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Kim Thu H1, chị Lê Kim N2, anh Nguyễn Minh N3, Ủy ban nhân dân huyện C.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thừa đất 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp “Chia thừa kế là quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 609 và Điều 649 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá T đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Bị đơn ông Nguyễn Bá T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông T kháng cáo yêu cầu tính chi phí mai táng cho hai cụ S1 và cụ C mà ông đã bỏ ra và chia cho ông công sức chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T:

[5.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ S1, cụ C và những người thuộc hộ gia đình cụ S1, cụ C thống nhất trình bày: Cụ ông Nguyễn Quang S1, sinh năm 1930, chết năm 2016; cụ bà Lê Kim C, sinh năm 1933, chết năm 2019. Trong quá trình chung sống, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Văn Bạch V, bà Nguyễn Kim Hồng V1, bà Nguyễn Kim Thu T2, bà Nguyễn Kim Thu H1, và ông Nguyễn Bá T. Cha mẹ cụ S1, cụ C chết trước hai cụ. Khi còn sống, hai cụ không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Di sản của cụ S1 và cụ C chết để lại là thửa số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m², diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng.

[5.2] Xét tờ cho tài sản cho con vào ngày 28/11/2015 của cụ S1 và cụ C với nội dung giao lại thửa đất 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn Bá T. Theo ông T, thửa đất này là cha mẹ đã cho riêng ông nên không đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của ông V và yêu cầu độc lập của bà T2. Tuy nhiên, ông T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hàng thừa kế thống nhất khai cụ S1 và cụ C không phải là người trực tiếp ký vào tờ cho đất mà do bà Nguyễn Kim Thu H1 là người viết tờ cho tài sản và ký thay cho cụ S1 và cụ C. Án sơ thẩm xác định tờ cho tài sản cho con vào ngày 28/11/2015 của cụ S1, cụ C tặng cho quyền sử

dụng đất trên cho ông T là chưa có hiệu lực pháp luật, không đủ cơ sở để xác định đây là ý chí, nguyện vọng của hai cụ trong việc phân chia di sản cho ông Nguyễn Bá T và chia di sản của cụ S1, cụ C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 630, 633, 634, 609 và Điều 649 Bộ luật Dân sự.

[5.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cung cấp chi phí mai táng cho hai cụ S1 và cụ C với tổng số tiền 240.000.000 đồng, có xác nhận của Thánh Tịnh Trước Cảnh Minh Đàn, được đại diện ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý. Hai bên đương sự ông T, đại diện ủy quyền của ông V, bà T2, ông P, bà V1 thống nhất thỏa thuận đối với chi phí mai táng của hai cụ S1 và cụ C, mỗi người hưởng kỷ phần thừa kế chịu chi phí mai táng là 25.000.000 đồng. Ông V và bà T2 là người hưởng kỷ phần thừa kế, mỗi người trả 25.000.000 đồng chi phí mai táng lại cho ông T. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.4] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T về tính công sức chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ: Án sơ thẩm xác định di sản hiện nay của cụ S1 và cụ C chết để lại diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m², chia làm 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận có diện tích 969,8m², trong đó 06 kỷ phần chia cho 06 người con, 01 kỷ phần giao cho ông T quản lý sử dụng vì bản thân ông T là người trực tiếp gìn giữ, quản lý di sản và có công trong việc nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ là có đã có xem xét đến công chăm sóc nuôi dưỡng cho ông T. Ông T kháng cáo yêu cầu được chia thêm công chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ là không có căn cứ để chấp nhận vì đã có xem xét rồi và cha mẹ sinh con ra nuôi dưỡng nên người không có tính công sức, nay cha mẹ già bốn phận người làm con thì phải có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng lại cho cha mẹ đó là đạo lý.

[5.5] Án sơ thẩm buộc ông V cũng như bà T2 trả cho ông T giá trị các ngôi mộ của gia tộc trên phần đất được chia là chưa chính xác, đây là mộ của gia tộc và khi ông V với bà T2 nhận phần đất được chia thì có phần mộ, chứ ông V và bà T2 không nhận sử dụng mộ, lại buộc ông V, bà T2 hoàn trả giá trị ngôi mộ là chưa chính xác. Nhưng ông V, bà T2 không kháng cáo nên cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm vấn đề này.

[5.6] Ngoài ra, án sơ thẩm chưa nhận định rõ ông T được chia bao nhiêu kỷ phần và những người trong hàng thừa kế là ông P, bà V1, bà H1 yêu cầu giao kỷ phần mà các ông bà được chia cho ông T là bao nhiêu kỷ phần. Trong phần quyết định chỉ tuyên giao cho ông Nguyễn Bá T tiếp tục quản lý sử dụng phần đất, cây trồng, vật kiến trúc trên diện tích đất còn lại là 4.849,2m² mà không tuyên ông T được quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa chính xác vì ông T được hưởng kỷ phần thừa kế của mình và các kỷ phần của ông P, bà H1, bà V1 cho lại. Từ đó dẫn đến án sơ thẩm không buộc ông T chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là chưa đúng. Do đó, cần sửa phần quyết định của án sơ thẩm và án phí cho chính xác.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có căn cứ một phần được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[8] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Án phí sơ thẩm ông T phải chịu án phí trên kỷ phần ông T được nhận là $4.849,2\text{m}^2 \times 180.000 \text{ đồng} = 872.856.000 \text{ đồng} + 50.0000.000 \text{ đồng}$, án phí ông T phải chịu làm tròn là 39.600.000 đồng, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 468, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 97, 98, 99, 100 và khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bạch V với bị đơn ông Nguyễn Bá T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim Thu T2 về việc hoàn trả chi phí mai táng cho hai cụ S1 và cụ C. Ông Nguyễn Văn Bạch V và bà Nguyễn Kim Thu T2 mỗi người hoàn trả cho ông Nguyễn Bá T 25.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bạch V.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Kim Thu T2.

4. Xác định thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích $7.026,7\text{m}^2$ (diện tích đo đạc thực tế là $6.788,8\text{m}^2$) tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Nguyễn Quang S1 và cụ Lê Kim C để lại chưa chia.

5. Buộc ông Nguyễn Bá T chia cho ông Nguyễn Văn Bạch V và bà Nguyễn Kim Thu T2 mỗi người 969,8m² đất, thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² (diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m²) tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng. Có sơ đồ bản vẽ kèm theo. Cụ thể diện tích và tứ cận như sau:

5.1. Phần đất chia cho ông Nguyễn Văn Bạch V có diện tích 969,9m² cùng với cây trồng và vật kiến trúc thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² (diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m²) tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng có tứ cận theo bản vẽ ngày 18/7/2022 của Công ty TNHH Đo đạc Đ như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Kim Thu T2 được chia dài 59,39m. Gồm 4 đoạn (29,21m + 28,19m + 0,96m + 1,03m).

+ Hướng Nam giáp đất ông Phan Tấn V2 dài 62,02m. Gồm 05 đoạn (29,71m + 2,29m + 27,72m + 1,21m + 1,09m).

+ Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Hữu P2 dài 15,95m.

+ Hướng Tây giáp kênh công cộng dài 15,98m. Gồm 02 đoạn (9,84m + 6,14m).

Buộc ông Nguyễn Văn Bạch V bồi thường cho ông Nguyễn Bá T 172.023.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu không trăm hai mươi ba ngàn đồng) cây trồng và vật kiến trúc. Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5.2. Phần đất chia cho bà Nguyễn Kim Thu T2 có diện tích 970m² cùng với cây trồng và vật kiến trúc thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.026,7m² (diện tích đo đạc thực tế là 6.788,8m²) tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Quang S1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng có tứ cận theo bản vẽ ngày 18/7/2022 của Công ty TNHH Đo đạc Đ như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 317 dài 58,86m. Gồm 4 đoạn (28,66m + 27,65m + 1,08m + 1,47m).

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Bạch V được chia dài 59,39m. Gồm 4 đoạn (29,21m + 28,19m + 0,96m + 1,03m).

+ Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Hữu P2 dài 16,4m.

+ Hướng Tây giáp kênh công cộng dài 16,51m.

Buộc bà Nguyễn Kim Thu T2 bồi thường cho ông Nguyễn Bá T 229.698.600 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm đồng) cây trồng và vật kiến trúc. Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5.3. Chia cho ông Nguyễn Bá T phần đất, cây trồng, vật kiến trúc trên diện tích đất còn lại là 4.849,2m² có tứ cận theo bản vẽ ngày 18/7/2022 của Công ty TNHH Đo đạc Đ như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của ông Phan Tùng Chinh dài 72,56m.

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Kim Thu T2 được chia dài 58,86m. Gồm 4 đoạn (28,66m + 27,65m + 1,08m + 1,47m).

+ Hướng Đông giáp phần đất của ông Trần Hữu P2 gồm 2 đoạn 20,53m, 15,65m và đất bà Nguyễn Thị Bé H3 dài 39,31m.

+ Hướng Tây giáp phần kênh công cộng dài 72,21m. Gồm 4 đoạn (7,85m + 2,02m + 26,91m + 35,43m).

Thực hiện việc chia đất sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn Bạch V, bà Nguyễn Kim Thu T2, ông Nguyễn Bá T được quyền liên hệ với cơ quan chức năng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Bá T và các thành viên trong hộ ông T không được chặt phá, làm hư hỏng cây trồng đối phần cây trồng chia cho ông V, bà T2. Nếu làm thiệt hại số lượng cây trồng đã giao theo bản án thì người được chia đất chỉ bồi thường phần cây trồng được nhận còn lại theo bản án đã tuyên.

Giữ nguyên hiện trạng lối đi bằng đường đất để dùng làm lối đi chung. Lối đi này đi ngang phần đất giao cho ông T quản lý sử dụng là 12,5m²; đi ngang phần đất ông V được chia là 16,2m²; đi ngang phần đất bà T2 được chia là 16,8m². (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kể từ ngày ông Nguyễn Bá T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông V, bà T2 chậm thực hiện nghĩa vụ chia tiền và bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Bạch V phải chịu 17.327.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10351 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên phải có nghĩa vụ nộp bổ sung 13.577.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim Thu T2 phải chịu 20.214.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002545 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên phải có nghĩa vụ nộp bổ sung 17.714.000 đồng.

Ông Nguyễn Bá T phải chịu 39.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010067 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên